

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GB
TỈNH BN**

Số: 40/2024/HSST

Ngày 12 tháng 4 năm 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GB- TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông T.X.S.

Các Hội thẩm: Ông P.D.T.

Bà T.T.L.

- Thư ký phiên tòa: Ông N.V.P – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GB.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GB, tỉnh BN tham gia phiên
tòa: Bà L.T.H- Kiểm sát viên.**

Ngày 12/4/2024, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện GB, tỉnh BN, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2024/TLST- HS ngày 29/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST- HS ngày 01/04/2024 đối với các bị cáo:

1- N.V.S, sinh năm 1969, tại BN; Nơi cư trú: Thôn TN, xã VN, huyện GB, tỉnh BN; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông N.V.S2 (đã chết) và bà N.T.T (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ: N.T.V, sinh năm: 1975; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005.

- Tiền sự: Không

- Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện GB, xử phạt N.V.S 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2022, nộp án phí và tiền phạt bổ sung ngày 14/6/2021, chưa được xóa án tích.

- Nhân thân:

+ Ngày 13 tháng 02 năm 2020, N.V.S bị Công an huyện GB, tỉnh BN xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức “Phạt tiền”, mức phạt 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 17/02/2020.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2000/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2000 của Tòa án nhân dân huyện GB, xử phạt N.V.S 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 23/01/2024, sau đó được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

2- N.V.B, sinh năm 1963, tại BN, nơi cư trú: Thôn TN, xã VN, huyện GB, tỉnh BN; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông N.V.T (đã chết) và bà N.T.C (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 7 trong gia đình; Vợ: N.T.H, sinh năm 1976; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2006.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Năm 1981, bị Tòa án nhân dân huyện GL, tỉnh HB (cũ), xử phạt 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách là 12 tháng về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, sau đó được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

3- T.V.T, sinh năm 1990, tại BN; Nơi cư trú: Thôn TN, xã VN, huyện GB, tỉnh BN; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông T.V.Đ (đã chết) và bà N.T.A, sinh năm 1962; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; P.T.H, sinh năm 1995; Con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, sau đó được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

4- N.V.X, sinh năm 1985, tại BN; Nơi cư trú: Thôn TN, xã VN, huyện GB, tỉnh BN; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông N.V.T (đã chết) và bà N.T.L, sinh năm 1958; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: H.T.T3, sinh năm 1982; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, sau đó được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

5- N.V.T2, sinh năm 1968, tại BN; Nơi cư trú: Thôn TN, xã VN, huyện GB, tỉnh BN; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông N.V. T3 (đã chết) và bà N.T.H sinh năm 1944; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ: Vũ Thị Lĩnh, sinh năm 1973; Con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1998.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, sau đó được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

6- N.T.D, sinh năm 1977, tại BN; Nơi cư trú: Thôn XD, xã VN, huyện GB, tỉnh BN; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông N.H.Q (đã chết) và bà V.T.H2, sinh năm 1951; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1980; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024, sau đó được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/01/2024, N.V.S, sinh năm 1969, trú tại thôn TN, xã VN, huyện GB, tỉnh BN tổ chức xây mộ cho mẹ của S nên có mời anh em, bạn bè cùng đội thợ xây đến nhà ăn cơm trưa. Sau khi ăn cơm xong, đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày các đối tượng N.V.S, N.V.T2, T.V.T, N.V.X, N.V.B và N.T.D cùng rủ nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức chơi 3 cây, mức sát phạt từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng. Bộ bài dùng đánh bạc là bài tứ lơ khơ do T lấy ở kệ ti vi của nhà S để xuống chiếu ăn cơm có sẵn, sau đó Bất lấy bộ bài mà T vừa để xuống chiếu lọc bỏ ra ngoài từ quân 10 đến quân K, chỉ để lại sử dụng 36 quân bài từ quân Át đến quân 9 trong bộ bài 52 quân để chơi. Các đối tượng trên cùng ngồi tại phòng khách nhà S để đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc, các đối tượng cùng thống nhất mức đặt cược thấp nhất là 20.000đ, cao nhất là 50.000đ/01 ván bài. T là người cầm chương, sau đó đổi cho X. Các đối tượng sử dụng 36 quân bài, chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài. Tính tổng điểm ai cao điểm hơn người cầm chương sẽ là người thắng người cầm chương và người cầm chương phải trả cho người thắng số tiền bằng số tiền đặt cược ban đầu. Ngược lại nếu người chơi có số điểm thấp hơn người cầm chương sẽ phải trả cho người cầm chương số tiền bằng số tiền đã đặt cược. Khi nào có ai được 10 điểm thì người đó sẽ được cầm chương. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày khi S, B, T, T2, X, D đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện GB bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 chiếu cói và 36 quân bài từ “Át” đến 9; thu giữ trong túi quần của Thiện 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và trong túi quần của Dũng 1.000.000đ (một triệu đồng).

Quá trình điều tra đã chứng minh được số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc như sau: N.V.S: Khi bắt đầu đánh bạc có 1.300.000đ, S đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, S đang bị thua, số tiền còn lại là 950.000đ S để dưới chiếu và bị thu giữ; N.V.X: Khi bắt đầu đánh bạc có 1.500.000đ, đối tượng đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, X không thua, không thắng. Toàn bộ số tiền đánh bạc, X để

dưới chiếu và bị thu giữ; N.T.D: Khi bắt đầu đánh bạc có 1.400.000đ, đối tượng đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc, D để 400.000đ dưới chiếu để chơi, nếu bị thua sẽ bỏ tiếp 1.000.000đ trên người ra để chơi tiếp. Đến khi Công an vào bắt quả tang, D không thua, không thắng và vẫn để 400.000đ dưới chiếu bạc, còn 1.000.000đ D để trên người và bị thu giữ; N.Đ.T2: Khi bắt đầu đánh bạc có 1.600.000đ, đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, T2 đang thắng khoảng 100.000đ, số tiền này T2 để dưới chiếu và bị thu giữ; T.V.T: Khi bắt đầu đánh bạc có 1.500.000đ, mục đích sẽ sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T để tiền trên người. Khi Công an vào bắt quả tang, T không thắng, không thua và đã tự nguyện giao nộp 1.500.000đ sử dụng để đánh bạc cất giấu ở trên người. N.V.B: Khi bắt đầu đánh bạc có 950.000đ, B đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang thì đối tượng đang thắng bạc khoảng 200.000đ. Toàn bộ số tiền đánh bạc, B để dưới chiếu và bị thu giữ.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó có 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc, 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) thu trên người của T và 1.000.000đ (một triệu đồng) thu trên người của D.

Với nội dung trên bản cáo trạng số 15/CT- VKSGB, ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB, tỉnh BN đã truy tố các bị cáo N.V.S, N.V.T2, T.V.T, N.V.X, N.V.B và N.T.D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo S, T, B, X, T2, D đều thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung sự việc nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GB thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo N.V.S, N.V.B, T.V.T, N.V.X, N.V.T2, N.T.D phạm tội “Đánh Bạc”.

Áp dụng khoản 1, 3 (đối với Sinh, Bất) Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với Sinh) và Điều 38 (đối với S); Điều 65 (đối với B); Điều 35 (đối với X, T, T2, D); Điều 58 của BLHS xử phạt:

N.V.S từ 09 tháng đến 12 tháng tù; N.V.B từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; T.V.T và N.V.X mỗi bị cáo từ 23 triệu đến 25 triệu đồng; N.V.T2 và N.T.D mỗi bị cáo từ 20 triệu đến 23 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với N.V.S và N.V.B mỗi bị cáo từ 10 triệu đến 12 triệu đồng

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với số tiền 8.200.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm

tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 chiếc cối, 36 quân bài tú lơ khơ là tang vật không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu luận tội, các bị cáo S, B, T, X, T2, D không có ý kiến tranh luận mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đều xin được giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, các quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều được thực hiện, ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nội dung các quyết định ban hành đều đảm bảo tính hợp pháp và đúng căn cứ pháp luật.

[2] Các bị cáo N.V.S, N.V.T2, T.V.T, N.V.X, N.V.B và N.T.D đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã quy kết. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã được thu hồi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào buổi trưa ngày 17/01/2024, tại phòng khách của gia đình N.V.S ở TN, VN GB, BN, các bị cáo S, B, T, X, T2 và D đã có hành vi đánh bạc trái phép được, thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Ba cây” thì bị lực lượng Công an huyện GB bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là an toàn công cộng, trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương và hoạt động bình thường của xã hội. Các bị cáo nhận thức được đánh bạc trái phép là tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Do vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB, tỉnh BN truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] *Xét vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng:*

Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm và câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng rủ rê nhau và trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo N.V.S đã dùng nhà mình là nơi chứa chấp đánh bạc và cũng là người trực tiếp tham gia chơi bạc; bị cáo X là người cầm chương, bị cáo T, B chuẩn bị bài nên có vai trò nổi bật hơn các bị cáo T2, D.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện GB, xử phạt N.V.S 09 tháng tù về tội “đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2022, nộp án phí và tiền phạt bổ sung ngày 14/6/2021, chưa được xóa án tích. Bị cáo N.V.S chưa được xóa án tích lại tiếp tục cố ý phạm tội, do đó lần phạm tội này của bị cáo được xác định là tái phạm.

Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo N.T.D, T.V.T, N.V.X và N.V.T2 do đây là lần đầu tiên phạm tội ít nghiêm trọng nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo T, S có thời gian tham gia quân đội, mẹ của bị cáo T2 tham gia kháng chiến chống Mỹ và được tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì. Bị cáo Bất trong thời gian chuẩn bị xét xử đã tự nguyện nộp 5.000.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo cho việc thi hành hình phạt bổ sung, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H tích cực tham gia phong trào phụ nữ ở địa phương và được tặng thưởng “Giấy khen” của Chủ tịch UBND xã VN. Bị cáo Thiện đã tích cực tham gia vào phong trào tương thân, tương ái đóng góp, ủng hộ Hội chữ thập đỏ ở địa phương được Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh BN tặng “Giấy khen”. Nên các bị cáo T2, S, B, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bị cáo N.V.S là người khó giáo dục nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một khoản thời gian nhất định đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

Đối với N.V.B đã từng vi phạm pháp luật và bị Tòa án xét xử, mặc dù không bị coi là có tiền án, tiền sự nhưng cũng thấy rằng bị cáo chưa lấy đó làm bài học sâu sắc cho bản thân do vậy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt nghiêm, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

Đối với các bị cáo N.T.D, T.V.T, N.V.X và N.V.T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trái phép không lớn nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính đối với các bị cáo Sinh và Bất cần áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo T, X, T2, D đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên theo quy định của pháp luật thì không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nữa.

[6] Về vật chứng của vụ án và các vấn đề khác:

Đối với số tiền 8.200.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 chiếc cối, 36 quân bài tú lơ khơ là tang vật không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trong quá trình Sinh cùng các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình, do vợ con S không biết. Vì vậy không xem xét xử lý đối với vợ con S với vai trò đồng phạm là phù hợp.

[7] Về án phí:

Các bị cáo S, T, X, T2, D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Bất trên 60 tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố các bị cáo N.V.S, N.V.B, T.V.T, N.V.X, N.V.T2 và N.T.D phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: N.V.S 09 (chín) tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 23/01/2024. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: N.V.B 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng. Giao bị cáo Bất cho UBND xã VN nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng được trừ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001934 ngày 09/4/2024, của Cơ quan thi hành án dân sự huyện GB.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt: N.V.X, T.V.T mỗi bị cáo 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). N.V.T2, N.T.D mỗi bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trái phép. Đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GB.

Tịch thu tiêu hủy: 36 quân bài tứ lơ khơ, gồm các quân bài “Át” và các quân bài 1,2,3,4,5,6,7,8,9 trong bộ bài 52 quân bài.

01 (một) chiếu cỏi.

Vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa Công an huyện GB và Chi cục thi hành án dân sự huyện GB.

- Về án phí và các vấn đề khác: Căn cứ các điều 135; 136; 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo B; Các bị cáo S, X, T, T2, D mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- VKSND huyện GB;
- THA huyện GB (án có hiệu lực pháp luật);
- Những người TGTT;
- Lưu HSAV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà

T.X.S